

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong các lĩnh vực: Thành lập và hoạt động hợp tác xã, Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh và Đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 2029/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc bị bãi bỏ lĩnh vực thành lập và hoạt động hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 30 thủ tục hành chính (Cấp huyện: 28 thủ tục; Cấp xã: 02 thủ tục) trong các lĩnh vực: Thành lập và hoạt động hợp tác xã, Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh và Đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (có danh mục kèm theo);

Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 2029/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ

tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc bị bãi bỏ lĩnh vực thành lập và hoạt động hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính tại đơn vị theo đúng quy định đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế:

Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã tại Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố bổ sung bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (*02 thủ tục hành chính cấp xã*);

Lĩnh vực Đấu thầu tại Quyết định số 3872/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bổ sung bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (*02 thủ tục hành chính cấp huyện*);

Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đã chuẩn hóa về nội dung thuộc lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (*24 thủ tục hành chính cấp huyện*).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *1/7*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KS TTHC);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PVP Trần Văn Đồng,
P. KSTTHC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT. *13*

KT. CHỦ TỊCH *[Signature]*
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Đức

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 554 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH					
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh - BKH-TGG-272039	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người thành lập hộ kinh doanh. - Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh hoặc nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử theo quy trình trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Tiền Giang	100.000 đồng/lần cấp, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp (Miễn thu lệ phí đối với các trường hợp: Cá nhân đại diện hộ kinh doanh là người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, là chủ hộ nghèo hoặc thành viên trong hộ gia đình thuộc hộ nghèo; Đăng ký qua mạng điện tử)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 78/2015/NĐ-CP); - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT); - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND).

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh - BKH-TGG-272040	<p>- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên hộ kinh doanh yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh hoặc nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử theo quy trình trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Tiền Giang	<p>- 30.000 đồng/1 lần cấp, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp (Miễn thu lệ phí đối với các trường hợp: Cá nhân đại diện hộ kinh doanh là người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, là chủ hộ nghèo hoặc thành viên trong hộ gia đình thuộc hộ nghèo; Đăng ký qua mạng điện tử; Các nội dung bổ sung, thay đổi thông tin của hộ kinh doanh do thay đổi về địa giới hành chính)</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.</p>
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân	Miễn thu lệ phí	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	doanh - BKH-TGG-272041	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh hoặc nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử theo quy trình trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Tiền Giang		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh - BKH-TGG-272042	Không quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh hoặc nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử theo quy trình trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Tiền Giang	Miễn thu lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh - BKH-TGG-272043	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. - Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông báo yêu cầu hộ kinh doanh 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh	30.000 đồng/lần cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>hoàn chỉnh và nộp hồ sơ hợp lệ theo quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của hộ kinh doanh.</p>			

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

1	<p>Đăng ký hợp tác xã - BKH-TGG-271961</p>	<p>05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh hoặc nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử theo quy trình trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Tiền Giang</p>	<p>100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp (Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử)</p>	<p>- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã (Nghị định số 193/2013/NĐ-CP); - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã (Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT);</p>
---	--	---	---	--	--

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					- Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND).
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã - BKH-TGG-271962	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh hoặc nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử theo quy trình trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Tiền Giang	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp (Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử)	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
3	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã - BKH-	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh hoặc nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử theo quy trình trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Tiền Giang	30.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp (Miễn lệ phí đối với trường hợp: Các nội dung bổ sung, thay đổi thông tin của hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính; đăng ký	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	TGG-271963			qua mạng điện tử)	
4	Đăng ký khi hợp tác xã chia - BKH-TGG-271964	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh hoặc nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử theo quy trình trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Tiền Giang	30.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp (Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử)	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
5	Đăng ký khi hợp tác xã tách - BKH-TGG-271965	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh hoặc nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử theo quy trình trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Tiền Giang	30.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp (Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử)	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
6	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất - BKH-TGG-271966	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh hoặc nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử theo quy trình trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Tiền Giang	30.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp (Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử)	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
7	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập -	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân	30.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	BKH-TGG-271967		dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh hoặc nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử theo quy trình trên Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Tiền Giang	nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp (Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử)	- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất) - BKH-TGG-271968	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh	30.000 đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất) - BKH-TGG-271969	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh	Không thu lệ phí	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng) - BKH-TGG-271970	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh	30.000 đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
11	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa	Không thu lệ phí	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng) - BKH-TGG-271971		điểm kinh doanh		- Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
12	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện) - BKH-TGG-271972	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh	Miễn thu lệ phí	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã - BKH-TGG-271973	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh	Không thu lệ phí	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã - BKH-TGG-271974	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh	Không thu lệ phí	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
15	Thông báo về việc góp vốn,	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân	Không thu lệ phí	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã - BKH-TGG-271975		dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh		- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
16	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã - BKH-TGG-271976	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh	Miễn thu lệ phí	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã - BKH-TGG-271977	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh	Miễn thu lệ phí	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
18	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh	30.000 đồng/lần cấp	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã) - BKH-TGG-271978				
19	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã - BKH-TGG-271979	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh	Không thu lệ phí	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.
III LĨNH VỰC ĐẦU THẦU					
Mục 1. Đầu thầu, lựa chọn nhà thầu					
1	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu - BKH-TGG-271854	07 ngày làm việc đối với chủ đầu tư và bên mời thầu kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu, 05 ngày làm việc đối với người có thẩm quyền kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu.	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi văn bản kiến nghị đến chủ đầu tư đối với dự án, bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	Không	- Luật Đầu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc qui định chi tiết một số điều của Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà thầu.
2	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu - BKH-TGG-	07 ngày làm việc đối với chủ đầu tư và bên mời thầu kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi văn bản kiến nghị đến	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị là 0,02% giá dự thầu	- Luật Đầu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Thủ tướng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phi, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	271855	của nhà thầu, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong vòng 20 ngày, 05 ngày làm việc đối với người có thẩm quyền kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị hoặc nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu.	chủ đầu tư đối với dự án, bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	của nhà thầu có kiến nghị, tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng	Chính phủ về việc qui định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
Mục 2. Lựa chọn nhà đầu tư					
1	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư - BKH-TGG-271843	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư gửi văn bản kiến nghị đến bên mời thầu từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư; - Giải quyết kiến nghị: + Bên mời thầu: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư; - Trường hợp bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà đầu tư không đồng ý 	Nhà đầu tư gửi văn bản kiến nghị đến bên mời thầu từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; - Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu;</p> <p>+ Người có thẩm quyền: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư.</p>			
2	<p>Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư - BKH-TGG-271844</p>	<p>- Gửi văn bản kiến nghị: 10 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư;</p> <p>- Giải quyết kiến nghị:</p> <p>+ Bên mời thầu: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;</p> <p>- Trường hợp bên mời thầu không có văn bản trả lời hoặc nhà đầu tư</p>	<p>Nhà đầu tư gửi văn bản kiến nghị đến bên mời thầu trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư</p>	<p>Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà đầu tư về kết quả lựa chọn nhà đầu tư là 0,02% tổng mức đầu tư của nhà đầu tư có kiến nghị nhưng tối thiểu là 20.000.000 đồng</p>	<p>- Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi văn bản kiến nghị đồng thời đến người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu;</p> <p>+ Hội đồng tư vấn: giải quyết kiến nghị có quyền yêu cầu nhà đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin để xem xét và có văn bản báo cáo người có thẩm quyền về phương án, nội dung trả lời kiến nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;</p> <p>- Trường hợp cần thiết,</p>		<p>và tối đa là 200.000.000 đồng.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị căn cứ văn bản kiến nghị của nhà đầu tư đề nghị người có thẩm quyền xem xét tạm dừng cuộc thầu. Nếu chấp thuận, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền có văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Văn bản tạm dừng cuộc thầu phải được gửi đến bên mời thầu, nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Thời gian tạm dừng cuộc thầu được tính từ ngày bên mời thầu nhận được thông báo tạm dừng đến khi người có thẩm quyền ban hành văn bản giải</p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		quyết kiến nghị; + Người có thẩm quyền: 10 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị.			

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC ĐẦU THẦU					
Mục 1. Đầu thầu, lựa chọn nhà thầu					
1	Giải quyết kiến nghị quá lựa nhà thầu	07 ngày làm việc đối với chủ đầu tư và bên mời thầu kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu, 05 ngày làm việc đối với người có thẩm quyền kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi văn bản kiến nghị đến chủ đầu tư đối với dự án, bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	Không	- Luật Đầu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về qui định chi tiết một số điều của Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà thầu.
2	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa nhà thầu	07 ngày làm việc đối với chủ đầu tư và bên mời thầu kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị trong vòng 20 ngày, 05 ngày làm việc đối với người có thẩm quyền kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị hoặc nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi văn bản kiến nghị đến chủ đầu tư đối với dự án, bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu	Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị là 0,02% giá dự thầu của nhà thầu có kiến nghị, tối thiểu là 1.000.000 đồng và tối đa là 50.000.000 đồng	- Luật Đầu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; - Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về qui định chi tiết một số điều của Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà thầu.